

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 314/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 314/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 314/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 314/2016/TT-BTC) như sau:

1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước (sau đây gọi là Nghị định số 24/2016/NĐ-CP) về: dự báo luồng tiền; sử dụng ngân quỹ nhà nước (NQNN) tạm thời nhàn rỗi (không bao gồm việc tạm ứng NQNN tạm thời nhàn rỗi cho ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh); biện pháp xử lý NQNN tạm thời thiếu hụt; quản lý rủi ro đối với hoạt động quản lý NQNN; trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị trong quản lý NQNN.

2. Việc sử dụng NQNN tạm thời nhân rồi, biện pháp xử lý NQNN tạm thời thiếu hụt quy định tại Thông tư này không áp dụng đối với NQNN bằng ngoại tệ.”

2. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính có liên quan đến công tác quản lý NQNN, bao gồm: Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Vụ Ngân sách nhà nước (NSNN), Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính.”

b) Bổ sung Khoản 3 vào Điều 2 như sau:

“3. Các ngân hàng thương mại (NHTM) có liên quan đến hoạt động sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhân rồi để gửi có kỳ hạn tại NHTM của Kho bạc Nhà nước (KBNN).”

3. Khoản 2 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Căn cứ dự báo khả năng NQNN tạm thời nhân rồi hoặc NQNN tạm thời thiếu hụt trong kỳ, KBNN xây dựng phương án điều hành NQNN, lấy ý kiến Vụ NSNN, Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính, trình Bộ Tài chính phê duyệt theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP. Cụ thể:

a) Trường hợp dự kiến NQNN tạm thời nhân rồi trong quý, năm, phương án điều hành NQNN nêu rõ các hạn mức sử dụng NQNN tạm thời nhân rồi được quy định tại Điều 13 Thông tư này.

b) Trường hợp dự kiến NQNN tạm thời thiếu hụt trong quý, năm, phương án điều hành NQNN nêu rõ tổng số lượng phát hành tín phiếu kho bạc để bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt; tổng số lượng thu hồi trước hạn các khoản tiền đang gửi có kỳ hạn tại các NHTM (nếu có).”

4. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Khoản 1 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. KBNN lựa chọn các NHTM để thực hiện gửi có kỳ hạn các khoản NQNN tạm thời nhân rồi như sau:

a) Điều kiện lựa chọn các NHTM để gửi có kỳ hạn NQNN tạm thời nhân rồi

- Trong danh sách các ngân hàng thương mại có mức độ an toàn cao do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp cho Bộ Tài chính (KBNN) hằng năm theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP;

- Đáp ứng các tiêu chí đánh giá về quy mô tổng tài sản, tổng vốn chủ sở hữu, chất lượng tín dụng, kết quả hoạt động kinh doanh do Bộ Tài chính quy định. Các tiêu chí đánh giá, cách tính điểm từng tiêu chí, tổng điểm đánh giá, lựa chọn

NHTM dự kiến gửi có kỳ hạn NQNN tạm thời nhàn rỗi theo quy định tại Điểm c Khoản này.

b) Quy trình đánh giá, lựa chọn NHTM dự kiến gửi có kỳ hạn NQNN tạm thời nhàn rỗi:

- Hằng năm, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách các NHTM có mức độ an toàn cao do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP, căn cứ báo cáo tài chính năm trước liền kề đã được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước hoặc tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam của các NHTM được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, KBNN thực hiện đánh giá, lựa chọn NHTM dự kiến gửi có kỳ hạn NQNN tạm thời nhàn rỗi theo quy định tại Điểm c Khoản này, trình Bộ Tài chính phê duyệt. Trường hợp báo cáo tài chính của NHTM chưa được công bố trên phương tiện thông tin đại chúng, KBNN gửi công văn đề nghị NHTM cung cấp báo cáo tài chính năm trước liền kề đã được kiểm toán nếu NHTM có nhu cầu nhận tiền gửi có kỳ hạn của KBNN;

- Căn cứ danh sách các NHTM dự kiến gửi có kỳ hạn NQNN tạm thời nhàn rỗi đã được Bộ Tài chính phê duyệt, KBNN thông báo bằng văn bản đến từng NHTM được lựa chọn dự kiến gửi có kỳ hạn NQNN tạm thời nhàn rỗi hằng năm.

- Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo điều chỉnh danh sách các NHTM có mức độ an toàn cao, KBNN trình Bộ Tài chính phê duyệt điều chỉnh danh sách các NHTM dự kiến gửi có kỳ hạn NQNN tạm thời nhàn rỗi.

Căn cứ danh sách các NHTM dự kiến gửi có kỳ hạn NQNN tạm thời nhàn rỗi (đã điều chỉnh) được Bộ Tài chính phê duyệt, KBNN thông báo bằng văn bản đến từng NHTM được bổ sung hoặc bị loại khỏi danh sách dự kiến gửi có kỳ hạn NQNN tạm thời nhàn rỗi.

c) Các tiêu chí đánh giá; cách tính điểm của từng tiêu chí; cách tính tổng điểm đánh giá, lựa chọn NHTM dự kiến gửi có kỳ hạn NQNN tạm thời nhàn rỗi:

- Các tiêu chí đánh giá được sử dụng để đánh giá, lựa chọn NHTM dự kiến gửi có kỳ hạn NQNN tạm thời nhàn rỗi gồm:

- + Quy mô tổng tài sản;
- + Tổng vốn chủ sở hữu;
- + Chất lượng tín dụng (tỷ lệ nợ xấu so với dư nợ tín dụng);
- + Kết quả hoạt động kinh doanh (tỷ lệ lợi nhuận sau thuế so với vốn chủ sở hữu bình quân).

- Cách tính điểm của từng tiêu chí: điểm của từng tiêu chí đánh giá bằng mức điểm của từng tiêu chí nhân với trọng số của tiêu chí đó; trong đó:

- + Mức điểm của từng tiêu chí được xác định như sau:

STT	Tiêu chí	Mức điểm
1	Quy mô tổng tài sản	
1.1	Từ 1.000.000 tỷ đồng trở lên	100
1.2	Từ 800.000 tỷ đồng đến dưới 1.000.000 tỷ đồng	90
1.3	Từ 600.000 tỷ đồng đến dưới 800.000 tỷ đồng	80
1.4	Từ 400.000 tỷ đồng đến dưới 600.000 tỷ đồng	70
1.5	Từ 200.000 tỷ đồng đến dưới 400.000 tỷ đồng	50
1.6	Dưới 200.000 tỷ đồng	0
2	Tổng vốn chủ sở hữu	
2.1	Từ 50.000 tỷ đồng trở lên	100
2.2	Từ 45.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng	90
2.3	Từ 40.000 tỷ đồng đến dưới 45.000 tỷ đồng	80
2.4	Từ 35.000 tỷ đồng đến dưới 40.000 tỷ đồng	70
2.5	Từ 30.000 tỷ đồng đến dưới 35.000 tỷ đồng	50
2.6	Dưới 30.000 tỷ đồng	0
3	Chất lượng tín dụng (tỷ lệ nợ xấu so với dư nợ tín dụng)	
3.1	Dưới 1%	100
3.2	Từ 1% đến dưới 1,5%	90
3.3	Từ 1,5% đến dưới 2%	80
3.4	Từ 2% đến dưới 2,5%	70
3.5	Từ 2,5% đến dưới 3%	50
3.6	Từ 3% trở lên	0
4	Kết quả hoạt động kinh doanh (tỷ lệ lợi nhuận sau thuế so với vốn chủ sở hữu bình quân)	
4.1	Từ 20% trở lên	100
4.2	Từ 15% đến dưới 20%	90
4.3	Từ 10% đến dưới 15%	80
4.4	Từ 5% đến dưới 10%	70
4.5	Từ 2% đến dưới 5%	50
4.6	Dưới 2%	0

+ Trọng số của từng tiêu chí được xác định trên cơ sở tầm quan trọng của từng tiêu chí đối với an toàn tiền gửi có kỳ hạn của KBNN, cụ thể như sau: